TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI
Bản án số: 64/2019/HNGĐ- ST
Ngày 01-10-2019
V/v ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vũ Thị Hồng
- Ông Nguyễn Quang Long

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Toà án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Mạc Minh Song- Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 04-9-2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2019/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019; thông báo mở lại phiên tòa số 35 ngày 19 tháng 9 năm 2019 giữa;

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Bị đơn: Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai ngày 01 tháng 8 năm 2019 của nguyên đơn chị Hoàng Thị B trình bày: Chị B và anh Hoàng Văn C chung sống với nhau

như vợ chồng từ năm 1993, chỉ cưới hỏi theo phong tục tập quán, do hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên hai người không đến Ủy ban nhân dân xã M làm thủ tục đăng ký kết hôn, cho đến nay Chị B và anh C không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị B có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C không thay đổi. Nay Chị B xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị B và anh C có hai con chung là Hoàng Thị D, sinh ngày 24-8-1994 và Hoàng Thị D, sinh ngày 08-10-2000. Các cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi nên Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về Tài sản chung và nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn C được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng anh C vắng mặt nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn và bị đơn trong vụ án.

{3} *Về tình cảm:* Chị Hoàng Thị B và anh Hoàng Văn C có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị B có yêu cầu xin ly hôn anh C, cần căn cứ vào các quy định của luật Hôn nhân và gia đình để xem xét mối quan hệ giữa hai người. Thấy rằng việc Chị B và anh C có quan hệ chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm Khoản 1 Điều 14 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên cần áp dụng quy định này và Khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để tuyên bố Chị B và anh C không phải là vợ chồng.

[4] *Về con chung*: Chị B và anh C có hai con chung là Hoàng Thị D, sinh ngày 24-8-1994 và Hoàng Thị D, sinh ngày 08-10-2000. Các cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{5} *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{6} *Về án phí*: Chị Hoàng Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

{7} *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình xử tuyên bố chị Hoàng Thị B và anh Hoàng Văn C không phải là vợ chồng; Chị B phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 273, 280, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân xử: Tuyên bố chị Hoàng Thị B và anh Hoàng Văn C không phải là vợ chồng.

2- Về án phí: Chị Hoàng Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) Chị B đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2017/04521 ngày 23-7-2019 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS L;
- CCTHA L;
-UBND xã M,
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh